TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương;

2. Bà Đặng Thị Thúy Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên toà.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Tuyết T, sinh năm 1986; Địa chỉ: 35A đường số 17, ấp Đ, xã H. huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Bảo D, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, xã H1. huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp Tòa ngày 15/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Lương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Bảo D tự nguyện sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 199, ngày 20/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu đời sống vợ chồng hạnh phúc viên mãn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, chồng sau khi mãn hạn tù về nhà không chịu làm ăn kiếm tiền nuôi sống gia đình mà mãi lo ăn

chơi, mặc cho bà cùng những người thân thích trong gia đình khuyên nhủ nhưng ông Du không sửa đổi. Rồi vợ chồng thường xuyên tranh cãi từ mọi việc lớn đến việc nhỏ nhặt đã làm đời sống vợ chồng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nay giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Bảo D.

Hai ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 19/4/2016 và Nguyễn Bảo Thiên P, sinh ngày 19/3/2018, hiện các con chung đang sống với bà nên bà yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Bà Lương Thị Tuyết T xác định không có tài sản chung, không có nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo D vắng mặt không rõ lý do, không gởi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp T, xã H1, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Bảo D lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Bảo D tự nguyện sống chung từ năm 2013 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 199, ngày 20/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Tuyết T trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống thường xuyên tranh cãi làm cuộc sống gia đình rơi vào nhiều bế tắc không hạnh phúc, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân

được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Bảo D không đến Toà án theo giấy triệu tập đã thể hiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Bảo D có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lương Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Bảo D là có cơ sở.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 19/4/2016 và Nguyễn Bảo Thiên P, sinh ngày 19/3/2018, hiện các con chung đang sống với bà nên bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ nên cần tiếp tục giao con hai chung cho bà Lương Thị Tuyết T trực tiếp nuôi là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng cho con: Theo đơn khởi kiện bà Lương Thị Tuyết T yêu cầu ông Nguyễn Bảo D cấp dưỡng nuôi 02 con chung nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Lương Thị Tuyết T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lương Thị Tuyết T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Tuyết T là được ly hôn ông Nguyễn Bảo D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 199, ngày 20/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Bảo D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 19/4/2016 và Nguyễn Bảo Thiên P, sinh ngày 19/3/2018 cho bà Lương Thị Tuyết T trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con chung không cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Lương Thị Tuyết T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lương Thị Tuyết T xác định không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lương Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0086229 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh